

Bản án số: 04/2023/HS-ST

Ngày: 09-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Mạc Vương Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 132/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt Trần Văn T 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/5/2021. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và truy thu số tiền 300.000 đồng. Ngày 07/12/2021, T chấp hành xong tiền truy thu và án phí. Ngày 28/01/2022 chấp hành xong án phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội này, T chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HS-ST ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt Trần Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Tháng 8/2016, T đã chấp hành xong 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lâm Thị T1, sinh năm 1981. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

3. Trương Hồng Q, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Trần Thị V, sinh năm 1990. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/9/2022, Trần Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi bộ qua nhà chị Lâm Thị T1, sinh năm 1981, trú cùng thôn thì phát hiện thấy nhà chị T1 không có ai ở nhà, T nảy sinh ý định vào nhà chị T1 trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu sài. Sau đó, T nhặt 02 (hai) bao tơ dứa ở rìa đường và trèo qua tường vành lao vào trong vườn nhà chị T1 rồi đi theo đường mòn ở vườn vào trong sân, quan sát thấy ở sân có nhiều đoạn sắt, loại sắt phi 16 và phụ tùng xe ô tô, máy xúc, T đã lấy tổng cộng 75 (bảy mươi năm) đoạn sắt, loại sắt phi 16 (mỗi đoạn dài khoảng 50-60cm) có tổng khối lượng là 62kg; 01 (một) đùm cầu ô tô (loại đùm cầu của ô tô có trọng tải 1,25 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 01 (một) quang khóa dầm ô tô (loại quang khóa dầm ô tô có trọng tải 7,65 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 02 (hai) rô to củ đề (loại 24V, lắp xe ô tô có trọng tải 4,75 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 01 (một) ga lê máy xúc bằng sắt đã hỏng có khối lượng 8,5kg; 01 (một) đầu khâu và tay nối vịn bu lông cho vào 02 (hai) bao tơ dứa rồi T vác 02 (hai) bao tơ dứa đựng tài sản trộm cắp đi theo đường mòn ở vườn nhà chị T1 rồi mang về vườn của gia đình mình cất giấu. Sau đó T đi ra đường bê tông mượn điện thoại của một người đi đường không quen biết, gọi điện thoại cho Trương Hồng Q, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến đón T xuống thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang chơi. Khi đó Q đang ngồi uống nước ở thị trấn C nhưng do không có xe nên Q đã thuê Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1988, tạm trú tại tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang chở Q đi đón T. Th đồng ý và điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, mang biển số 98E1-720.05 chở Q đến nhà của T. Khi Th chở Q đến nhà T thì T lần lượt

vác ra 02 (hai) bao tơ dứa đựng tài sản trộm cắp ra nhờ Th chở giúp xuống thị trấn C. Q hỏi T là bao gì thì T trả lời là sắt vụn của nhà. Sau đó Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, mang biển số 98E1-720.05 chở T, Q và 02 (hai) bao tơ dứa đi theo hướng thị trấn C, huyện L. Khi đi đến tổ dân phố Cầu Cát, thị trấn C, huyện L thì xe mô tô bị đứt xích nên Th, T và Q cùng xuống xe dắt bộ. Đúng lúc này Tổ công tác của Công an thị trấn C trên đường tuần tra, kiểm soát phát hiện Th, T và Q có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra hành chính. T khai nhận toàn bộ số tài sản đựng trong 02 (hai) bao tơ dứa bị thu giữ do T vừa trộm cắp được của nhà chị Lâm Thị T1. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ: 01 (một) mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, mang biển số 98E1-720.05 chở 01 (một) bao tơ dứa, màu bạc, bên trong có ghi chữ “PHÂN BÓN ĐẦU TRÂU NPK” bên trong chứa 75 (bảy mươi năm) đoạn sắt, loại sắt phi 16 (mỗi đoạn dài khoảng 50-60cm) có tổng khối lượng là 62kg và 01 (một) bao tơ dứa, màu bạc, bên trong chứa 01 (một) đùm cầu ô tô; 01 (một) quang khóa dầm ô tô; 02 (hai) rô to củ đèn; 01 (một) ga lê máy xúc bằng sắt đã hỏng có khối lượng 8,5kg; 01 (một) đầu khâu và tay nối vặn bulong, sau đó đưa Th, T, Q về trụ sở Công an thị trấn C để làm việc.

Đối với chị Lâm Thị T1 sau khi bị phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 03/9/2022, chị T1 đã có đơn trình báo gửi Công an xã Tân Quang đề nghị giải quyết.

Ngày 05/9/2022, Công an thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã chuyển hồ sơ đến Công an xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để xác minh, làm rõ. Ngày 10/9/2022, Công an xã Tân Quang đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Lục Ngạn để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra yêu cầu định giá tài sản số 135/YC-CSĐT đối với số tài sản do Trần Văn T trộm cắp nêu trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐGTS ngày 19/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Ngạn, kết luận tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 2.343.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ngày 09/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn tiến hành cho chị Lâm Thị T1 và Trần Văn T xác định hiện trường, chụp ảnh, vẽ sơ đồ vị trí bị mất trộm tài sản và thực nghiệm điều tra. Kết quả xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại.

Đối với Trương Hồng Q và Nguyễn Ngọc Th, quá trình điều tra xác định khi đến đón Trần Văn T và sau đó cùng T chở số tài sản trên xuống thị trấn C thì cả Q và Th đều không biết số tài sản đó do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không đặt ra xem xét xử lý đối với Q và Th là có căn cứ.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, biển số 98E1-720.05 là do Nguyễn Ngọc Th mượn của bạn gái là chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi cho Th mượn

xe chị Chung không biết Th sử dụng đi đâu, làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Ngạn không đặt ra xem xét xử lý đối với chị Chung là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/10/2022, gia đình Trần Văn T đã bồi thường cho chị Lâm Thị T1 số tiền 2.343.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng), chị T1 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

Về vật chứng vụ án: Ngày 23/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Lâm Thị T1 tài sản gồm 75 (bảy mươi năm) đoạn sắt, loại sắt phi 16 (mỗi đoạn dài khoảng 50-60cm) có tổng khối lượng là 62kg; 01 (một) đùm cầu ô tô (loại đùm cầu của ô tô có trọng tải 1,25 tấn); 01 (một) quang khóa dầm ô tô (loại quang khóa dầm ô tô có trọng tải 7,65 tấn); 02 (hai) rô to củ đề (loại 24V, lắp xe ô tô có trọng tải 4,75 tấn); 01 (một) ga lê máy xúc bằng sắt đã hỏng có khối lượng 8,5kg; 01 (một) đầu khẩu và tay nối vụn bu long; trả lại cho chị Nguyễn Thị C 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, biển số 98E1-720.05.

* Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 113/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 02-9-2022, bị cáo đi nhờ xe từ sân bóng Kép, xã Hồng Giang về thôn Thác Do, xã Tân Quang của chị Lâm Thị T1 để trộm cắp sắt và đầu máy trộn bê tông. Sau khi lấy xong, bị cáo bê ra đường và mượn điện thoại của người đi đường gọi cho Trương Hồng Q đến đón và chở bị cáo đi đến xã Nam Dương để tiêu thụ. Sau đó, Q và Nguyễn Ngọc Th đến chở bị cáo đi bằng xe mô tô của Th. Bị cáo bảo với Q và Th là sắt vụn nhà bị cáo. Trên đường đi do xe bị đứt xích nên bị cáo phải xuống đi bộ, khi đi đến khu vực Cầu Cát, thị trấn C thì bị Tổ kiểm tra phát hiện. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho chị Lâm Thị T1 số tiền 2.343.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị V trình bày: Chị tự nguyện bồi thường dân sự cho chị Lâm Thị T1 với số tiền 2.343.000 đồng theo đề nghị của bị cáo. Chị không yêu cầu bị cáo và chị T1 phải trả lại chị số tiền trên.

- Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này trong quá trình điều tra. Bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của những người này.

* Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38- Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Văn T từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/9/2022). Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Bị cáo không tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát. Thực hiện lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; bị hại vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào các Điều 292, Điều 293- Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/9/2022 tại gia đình chị Lâm Thị T1, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi trộm cắp của gia đình chị T1 tài sản gồm: 75 (bảy mươi năm) đoạn sắt, loại sắt phi 16 (mỗi đoạn dài khoảng 50-60cm) có tổng khối lượng là 62kg; 01 (một) đùm cầu ô tô (loại đùm cầu

của ô tô có trọng tải 1,25 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 01 (một) quang khóa dầm ô tô (loại quang khóa dầm ô tô có trọng tải 7,65 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 02 (hai) rô to củ đề (loại 24V, lắp xe ô tô có trọng tải 4,75 tấn, do Trung Quốc sản xuất); 01 (một) ga lê máy xúc bằng sắt đã hỏng có khối lượng 8,5kg; 01 (một) đầu khâu và tay nối vắn bu lông. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.343.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173- Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần bị Toà án xét xử, kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân lại tiếp tục có hành vi phạm tội do cố ý.

[5.2] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52-Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51- Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Trần Văn T ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Tuy nhiên, theo các tài liệu,

chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về những vấn đề khác: Đối với Trương Hồng Q và Nguyễn Ngọc Th, quá trình điều tra xác định khi đến đón Trần Văn T và sau đó cùng T chở số tài sản trên xuống thị trấn C thì cả Q và Th đều không biết số tài sản đó do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không đặt ra xem xét xử lý đối với Q và Th là có căn cứ.

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, biển số 98E1-720.05 là do Nguyễn Ngọc Th mượn của bạn gái là chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi cho Th mượn xe chị Chung không biết Th sử dụng đi đâu, làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Ngạn không đặt ra xem xét xử lý đối với chị Chung là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lâm Thị T1 đã được chị Trần Thị V (là chị ruột của bị cáo) bồi thường số tiền 2.343.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng), chị T1 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác. Chị Trần Thị V tự nguyện bồi thường cho chị Lâm Thị T1, không yêu cầu bị cáo và chị T1 phải trả lại chị số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng gồm 75 (bảy mươi năm) đoạn sắt, loại sắt phi 16 (mỗi đoạn dài khoảng 50-60cm) có tổng khối lượng là 62kg; 01 (một) đùm cầu ô tô (loại đùm cầu của ô tô có trọng tải 1,25 tấn); 01 (một) quang khóa dầm ô tô (loại quang khóa dầm ô tô có trọng tải 7,65 tấn); 02 (hai) rô to củ đề (loại 24V, lắp xe ô tô có trọng tải 4,75 tấn); 01 (một) ga lê máy xúc bằng sắt đã hỏng có khối lượng 8,5kg; 01 (một) đầu khâu và tay nối vịn bu long là tài sản của chị Lâm Thị T1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã quyết định trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị T1 là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh, biển số 98E1-720.05 là tài sản của chị Nguyễn Thị C. Khi cho Nguyễn Ngọc Th mượn xe, chị Chung không biết Th sử dụng để đi đâu, làm gì. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã quyết định trả lại chiếc xe mô tô cho chị Chung, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333- Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38- Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30/9/2022). Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136- Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333- Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ong Thân Thắng